

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Oanh
Ông Lăng Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L (tên gọi khác: không), sinh ngày 16 tháng 3 năm 2003, tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vương Văn Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Vắng mặt.
- Chị Vũ Thị L2, sinh năm 2000. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, Công an thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nhận được tin báo của chị Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang bị mất trộm 01 (một) xe máy điện nhãn hiệu OSAKAR, xe cũ đã qua sử dụng. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an thị trấn đã kiểm tra, rà soát, bước đầu đã xác định Nguyễn Thanh L, sinh năm 2003, trú tại: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang là đối tượng trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Hà M. Công an thị trấn Việt Quang đã báo cáo vụ việc lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang Nguyễn Thanh L khai nhận: Khoảng tháng 7 năm 2022, Nguyễn Thanh L đi làm thuê cho Công ty TNHH P - T của Hàn Quốc có trụ sở tại tầng N, tòa nhà P thuộc tổ M thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình làm việc, L phát hiện tại tầng 1 của tòa nhà có 01 xe máy điện nhãn hiệu Osakar màu sơn xanh, thường xuyên dựng ở góc tường không có người trông coi. Đến ngày 07/12/2022 Nguyễn Thanh L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện nêu trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên L đã tìm các địa chỉ mua bán xe máy điện cũ để tìm chỗ tiêu thụ. Vào 0 giờ 57 phút ngày 08/12/2022, Nguyễn Thanh L đăng nhập tài khoản Facebook có tên Nguyễn Thanh L và trao đổi, nói chuyện với tài khoản có tên Vương Đ, một tài khoản chuyên thu mua xe máy điện của Vương Văn Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, lúc này tài khoản Vương Đ không trả lời. Đến 05 giờ 45 phút ngày 08/12/2022, tài khoản Vương Đ trả lời có mua xe máy điện cũ và bảo L chụp ảnh để xem rồi mới quyết định mua hay không, L trả lời đến trưa mới chụp. Sau khi tìm được chỗ tiêu thụ, đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến tầng 1 tòa nhà P, Nguyễn Thanh L thấy chiếc xe máy điện trên vẫn dựng trong góc tường, L đi đến vị trí chiếc xe máy điện và phát hiện chìa khóa xe vẫn để trong hộc để đồ, L đã lấy chìa khóa xe mở máy và điều khiển xe đi đến quán gội đầu của chị gái con bác là Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, trú tại thôn K xã M, huyện Q, tỉnh Hà Giang (đang tạm trú tại thôn T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang) và gửi ở đó. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, sau khi tan làm Nguyễn Thanh L đến lấy xe máy điện và điều khiển đi về nhà. Sau khi về nhà, L đã chụp ảnh chiếc xe máy điện và gửi ảnh cho Đ, sau khi xem ảnh, Đ đồng ý mua và hẹn đầu giờ chiều sẽ đến xem xe trực tiếp. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, Vương Văn Đ đến nhà Nguyễn Thanh L và trực tiếp xem xe máy điện, qua trao đổi Đ đồng ý mua với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Sau khi mua bán xe máy điện xong, Vương Văn Đ mang xe máy điện về nhà, Nguyễn Thanh L đã mang toàn bộ

số tiền bán xe máy điện đến trả nợ cho chị Vũ Thị L1, sinh năm 2000, trú tại tổ N thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là bạn làm cùng công ty với L.

Ngày 10/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang có Yêu cầu định giá tài sản số 50, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang tiến hành định giá đối với chiếc xe máy điện bị mất trộm của chị Nguyễn Thị Hà M.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 11/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang, Kết luận: “01 xe máy điện nhãn hiệu OSAKAR màu sơn xanh, tại vị trí ốp sườn bên trái có chữ gogo (xe cũ đã qua sử dụng) tại thời điểm định giá tháng 12/2022 có giá trị 5.670.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thanh L trộm cắp là 5.670.000đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị Hà M .

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 21/CT-VKSBQ ngày 28/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố. Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 15 đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh L bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 điều 36 của Bộ luật Hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hà M đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy điện nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* Ý kiến của bị hại Nguyễn Thị Hà M trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Về hình phạt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy điện nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với anh Vương Văn Đ, trong quá trình điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có trình bày, số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) anh mua xe máy điện của bị cáo, ngay sau khi bị phát hiện bị cáo đã trả lại đầy đủ nên anh không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với ông Nguyễn Văn S (là bố đẻ của bị cáo) trình bày, sau khi sự việc xảy ra ông đã cùng với bị cáo trả cho anh Vương Văn Đ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nay ông không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền trên và ông cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bắc Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Văn Đ, ông Nguyễn Văn S, người làm chứng Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị T, Vũ Thị L2 có lý do, tuy nhiên quá trình điều tra họ đã có đầy đủ lời khai có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ như biên bản sự việc, bản ảnh và sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường ngày 10/12/2022; Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang cùng tài liệu khác có trong hồ sơ, như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 08/12/2022 bị cáo Nguyễn Thanh L đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy điện (xe cũ đã qua sử dụng) xe không biển kiểm soát, nhãn hiệu OSAKAR có giá trị 5.670.000đ (*năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) của bị hại là chị Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1994, trú tại tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo Nguyễn Thanh L thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có khung hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, đua đòi, nhằm mục đích tư lợi cá nhân nên dù biết rõ tài sản là của người khác nhưng bị cáo vẫn lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp bán lấy tiền giải quyết việc cá nhân. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật Hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và đề răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tác động cùng với gia đình khắc phục hậu quả tự nguyện trả lại chiếc xe cho bị hại là chị Nguyễn Thị Hà M và số tiền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Văn Đ đã mua chiếc xe máy điện với bị cáo, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ răn đe giáo dục đối với bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh L.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị hại Nguyễn Thị Hà M đã nhận lại được tài sản là chiếc xe máy điện nên không có yêu cầu gì thêm.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Văn Đ, khi mua chiếc xe máy điện không biết đó là tài sản trộm cắp nên đã thỏa thuận mua với giá là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), trong quá trình giải quyết bị cáo đã tác động cùng gia đình trả lại cho anh đủ số tiền trên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ không có yêu cầu gì về phần dân sự do vậy HĐXX không xem xét.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn S là bố đẻ của bị cáo, tại giai đoạn điều tra trình bày, việc bị cáo Nguyễn Thanh L trộm cắp chiếc xe máy điện ông không hề biết, trong quá trình Công an giải quyết thì ông đã thay mặt bị cáo đứng ra bồi thường cho anh Vương Văn Đ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông không có yêu cầu gì đối với số tiền trên, do vậy HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Điều 125 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thanh L bị phạt cải tạo không giam giữ không

có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh L.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Hà giang;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Quang Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

